



Chính sách tài chính hỗ trợ xuất khẩu thủy sản Đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn hội nhập

ThS. ĐẶNG THANH SƠN

Xem xét đánh giá chính sách tài chính hỗ trợ xuất khẩu nói chung hay hỗ trợ xuất khẩu thủy sản nói riêng trong giai đoạn công nghiệp hóa – hiện đại hóa nền kinh tế và trong bối cảnh hội nhập là một vấn đề cấp thiết hiện nay. Bởi lẽ, nếu Nhà nước và các chủ thể nắm được vai trò, cách thức vận hành và phát triển của xuất khẩu thủy sản trong giai đoạn hội nhập, thì sẽ áp dụng những giải pháp nhằm phát huy vai trò của chính sách tài chính để hỗ trợ xuất khẩu thủy sản phát triển một cách bền vững và chủ động. Vì lý do đó bài viết này xin được trình bày thực trạng xuất khẩu thủy sản Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) dưới tác động của chính sách tài chính hỗ trợ xuất khẩu trước thời điểm hội nhập, trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện chính sách tài chính trong điều kiện hội nhập.

1. Tình hình xuất khẩu thủy sản tại ĐBSCL

Quá trình phát triển kim ngạch xuất khẩu thủy sản khu vực ĐBSCL diễn ra đồng thời với quá trình mở rộng các mặt hàng thủy sản xuất khẩu. Trước đây, ĐBSCL hầu như chưa xuất khẩu cá, nhưng đến nay xuất khẩu cá đã chiếm vị trí thứ hai sau tôm. Các sản phẩm cá được xuất khẩu hiện nay bao gồm: theo môi trường sống có cá biển, cá nước lợ, cá nước ngọt dưới các dạng; theo dạng sản phẩm chế biến có cá tươi, cá đông lạnh, cá khô; theo quy cách sản phẩm có cá nguyên con, cá phi lê, cá khúc, ... Các sản phẩm thủy sản xuất khẩu được đa dạng hóa theo loài, dạng và quy cách sản phẩm phù hợp với nhu cầu nhiều vẻ của thị trường.

Về cơ cấu kim ngạch xuất khẩu thủy sản của

ĐBSCL theo sản phẩm đã có sự biến động lớn trong thời gian gần một thập kỷ qua. Nếu như trước những năm 1996 chế biến thủy sản chủ yếu ở dạng đông tiếp xúc đối với tôm, cá phi lê, nghêu đông thì từ năm 1996 trở lại đây có thêm mặt hàng chế biến thủy sản giá trị gia tăng, cấp đông (IQF), thủy sản tươi sống (cua, sò ...). Phân tích sản lượng thủy sản xuất khẩu năm 2006 cho thấy, cơ cấu sản phẩm xuất khẩu có chuyển biến tích cực: tôm vẫn là sản phẩm chủ lực, về giá trị chiếm: 44,3%, cá đông lạnh: 33,8% (so với năm 2005 tôm 51%, cá 25%). Sản phẩm cá tra, cá ba sa có mức tăng trưởng rất nhanh. Năm 2006 sản lượng cá tra, ba sa xuất khẩu ước đạt 250.000 tấn với giá trị ước đạt 750 triệu USD. Nét mới xuất khẩu thủy sản năm nay là cá tra, ba sa được tiêu thụ mạnh ở thị trường EU và Đông Âu, cho thấy triển vọng của các thị trường này về tiêu thụ cá tra, ba sa. Việc đa dạng hóa các mặt hàng, việc tăng tỷ lệ hàng xuất khẩu có giá trị gia tăng cao đã đem lại những lợi ích rất rõ trong xuất khẩu thủy sản cũng như mở rộng thị trường, tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng giá xuất khẩu. Điều này cần tiếp tục phát huy trong thời gian tới nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của các thị trường nhất là thị trường các nước công nghiệp phát triển và góp phần tăng thu nhập quốc nội.

Chất lượng mặt hàng thủy sản xuất khẩu trong thời gian qua đã có tiến bộ rất lớn, song vấn đề dư lượng kháng sinh và tình trạng nhiễm khuẩn do tiêm chích tạp chất và ngâm hóa chất vẫn đang tiềm ẩn có thể gây ra rủi ro, thiệt hại cho xuất khẩu. Hiện nay hàng thủy sản xuất khẩu không còn bị EU áp dụng biện pháp kiểm tra 100% các lô hàng thủy sản xuất khẩu, song vẫn có thể bị áp dụng trở lại nếu kiểm tra giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm không chặt chẽ. Vì vậy, việc thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp bảo đảm chất lượng, an toàn vệ sinh thủy sản từ tàu thuyền, ao nuôi đến chế biến xuất khẩu, việc thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của các thị trường là yêu cầu đang đặt ra.

Trước đây, thị trường xuất khẩu thủy sản của ĐBSCL khá hạn hẹp. Đến nay, sản phẩm thủy sản xuất khẩu của ĐBSCL đã đến khoảng trên 30 nước trên thế giới. Thị trường Nhật thường chiếm tỷ trọng 50 – 60% kim ngạch xuất khẩu thủy sản ĐBSCL, đến năm 2006 chỉ còn 25,3%, EU 21,6%, Mỹ 19,9%. Trong số các thị trường xuất khẩu thủy sản mới, thị

trường Mỹ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy sản ĐBSCL

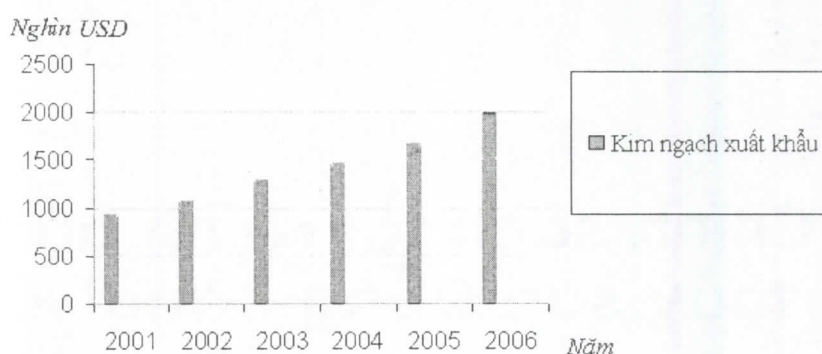
Đơn vị tính : %

Thị trường	2002	2003	2004	2005	2006
Nhật	27	30	27	30	25 *
EU	3	6	15	16	22
Mỹ	32	35	22	23	20 *
Trung Quốc	15	3	4	5	4
Các nước khác	23	26	32	26	29

Nguồn: Báo cáo hàng năm của Sở Thủy sản các tỉnh ĐBSCL.

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của ĐBSCL tăng từ 926 ngàn USD năm 2001 lên 1.988,7 ngàn USD năm 2006. Tỷ lệ tăng trưởng xuất khẩu trung bình hàng năm thời kỳ 2001 - 2006 khoảng 16,5%, đây là tỷ lệ tăng trưởng khá cao.

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của ĐBSCL giai đoạn 2001 - 2006



Nguồn: Báo cáo hàng năm của ngành thủy sản.

Khả năng thâm nhập và mở rộng thị trường xuất khẩu thủy sản của ĐBSCL trong những năm vừa qua đã đạt được những tiến bộ đáng kể. Tuy nhiên, bên cạnh đó, công tác dự báo thị trường còn rất yếu. Đồng thời, kinh nghiệm trong việc ngăn chặn và giải quyết các tranh chấp cũng còn nhiều hạn chế. Khó khăn hiện nay về thị trường xuất khẩu vẫn đang tiếp tục, nhất là đối với sản phẩm tôm do tác động của vụ kiện chống phá giá vừa qua. Vì vậy, vấn đề đang được đặt ra cho các cơ quan quản lý và các doanh nghiệp xuất khẩu hiện nay là cần phải chủ động giải quyết các vấn đề thị trường theo hướng làm thế nào để giữ thị trường Mỹ, tăng cường hơn nữa xuất khẩu vào Nhật, EU, Trung Quốc, các nước NICs và ASEAN và mở rộng xuất khẩu vào các nước SNG, Trung Đông, Nam Mỹ.

Việc tăng tỷ lệ hàng giá trị gia tăng cao và tăng

chất lượng mặt hàng trong xuất khẩu thủy sản có tác dụng tăng giá xuất khẩu bình quân. Đó cũng là yêu cầu để tăng kim ngạch xuất khẩu. Tuy vậy, vấn đề đang đặt ra đối với giá xuất khẩu thủy sản của ĐBSCL là cần tiến tới một cơ cấu giá cả hợp lý hơn ngang bằng hơn với nhiều nước xuất khẩu lớn trong khu vực và trên thế giới.

• Nhìn chung, khả năng cạnh tranh của sản phẩm thủy sản xuất khẩu của ĐBSCL hiện nay được đánh giá khá tốt cả về giá cả và chất lượng. Tuy nhiên, để tăng hiệu quả xuất khẩu, các doanh nghiệp cần tiến tới một mức có lợi hơn, tức là mức giá cao hơn, trên thị trường xuất khẩu. Như vậy, vấn đề đặt ra là làm thế nào để tiếp tục giữ và nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu ngày càng gay gắt.

Vấn đề xây dựng, phát triển và quảng bá thương hiệu cho sản phẩm thủy sản ĐBSCL nói riêng và thủy sản VN nói chung là một trong những vấn đề cần được các doanh nghiệp đặc biệt quan tâm trong những năm tới, xem đây là vấn đề mang tính chiến lược và cần được đầu tư lâu dài.

Mặc dù xuất khẩu thủy sản ĐBSCL vẫn còn những mặt tồn tại cần phải khắc phục trong thời gian tới, song những thành tựu mà nó mang lại là to lớn và đáng khích lệ. Để đạt được những thành tựu đó Nhà nước đã áp dụng các chính sách khuyến khích, định hướng cho xuất khẩu thủy sản ĐBSCL phát triển như: chính sách thuế, chính sách chi đầu tư phát triển, chính sách tín dụng ngân hàng... Một trong những chính sách đó, chính sách tài chính hỗ trợ xuất khẩu thủy sản đóng vai trò trực tiếp và quyết định đối với sự phát triển xuất khẩu thủy sản ĐBSCL, đứng trước thời điểm giao thời giữa chưa hội nhập và hội nhập vào nền kinh tế thế giới, chúng ta phải xem xét lại và hoàn thiện chúng để phát huy vai trò của chúng sau khi hội nhập.

2. Chính sách tài chính hỗ trợ xuất khẩu thủy sản ĐBSCL giai đoạn 2001 - 2006

Trong giai đoạn 2001 - 2006 chính sách tài chính hỗ trợ xuất khẩu thủy sản được thiết kế một cách tổng thể nhằm tạo ra một kênh vốn trực tiếp từ Chính phủ để giúp các hoạt động sản xuất, xuất khẩu thủy sản ĐBSCL. Bên cạnh việc duy trì Quỹ hỗ trợ xuất khẩu, một số chính sách ưu đãi thuế và triển khai Chương trình xúc tiến thương mại, Chính phủ đã thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển (hiện nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam) với hệ thống trên 64 tỉnh thành, để thực hiện các hoạt động hỗ trợ xuất khẩu ngắn, trung và dài

hạn trong phạm vi cả nước. Trong thời gian này Quỹ hỗ trợ phát triển đã đầu tư trên 1.000 tỷ đồng, hỗ trợ trên 70 doanh nghiệp, thực hiện thành công trên 200 hợp đồng xuất khẩu, trên 2.000 tỷ đồng vốn trung dài hạn để cho vay trên 100 dự án chế biến thủy sản xuất khẩu.

- Tín dụng hỗ trợ xuất khẩu thủy sản trung và dài hạn: Chính sách tín dụng này được hình thành từ năm 2000 nhằm mục tiêu hỗ trợ tài chính trực tiếp cho các dự án sản xuất, chế biến hàng thủy sản xuất khẩu theo hình thức cho vay trực tiếp với lãi suất ưu đãi hoặc hỗ trợ 50% lãi suất ưu đãi cho các dự án vay thương mại đã hoàn thành đầu tư đưa vào sử dụng.

- Tín dụng hỗ trợ xuất khẩu thủy sản ngắn hạn: Hoạt động tín dụng này được chính thức đưa vào thực hiện từ năm 2001. Đối tượng được hỗ trợ là các đơn vị sản xuất, chế biến, kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu thuộc chương trình ưu tiên khuyến khích xuất khẩu do Thủ tướng Chính phủ quy định hàng năm. Hỗ trợ được thực hiện bằng hình thức cho vay vốn trực tiếp các đối tượng thu mua, chế biến và kinh doanh các ngành hàng thủy sản xuất khẩu theo ưu tiên của Chính phủ với lãi suất ưu đãi, bằng khoảng 80% lãi suất tín dụng trung dài hạn nêu trên.

- Chương trình xúc tiến thương mại thủy sản: Chương trình này được Chính phủ cho phép triển khai từ năm 2003. Theo đó, hàng năm ngân sách nhà nước sẽ tập trung hỗ trợ một phần kinh phí cho các chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động xúc tiến thương mại và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thủy sản tạm thời chưa có kim ngạch hoặc kim ngạch xuất khẩu thấp nhưng tiềm năng xuất khẩu lớn có cơ hội tiếp cận thị trường xuất khẩu.

Nhìn chung, không thể phủ nhận các chính sách của Nhà nước, đặc biệt là các hỗ trợ tài chính trong những năm qua đã đem lại hiệu quả trên nhiều mặt, góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu. Những biện pháp và các kênh hỗ trợ đa dạng như trực tiếp cung ứng vốn cho doanh nghiệp để sản xuất, xuất khẩu (qua Quỹ hỗ trợ phát triển), hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng, thưởng xuất khẩu ... đã giúp cho các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm thủy sản và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Tuy nhiên, hệ thống chính sách hỗ trợ cho xuất khẩu của Nhà nước còn bộc lộ nhiều hạn chế, cụ thể như sau:

- Các hình thức hỗ trợ xuất khẩu chưa đầy đủ và đồng bộ, mới chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ tài chính trực tiếp và cấp tín dụng đầu tư cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu. Nhiều hình thức không phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Trong khi đó, các hình thức hỗ trợ theo thông lệ các nước điều áp dụng như bảo lãnh tín dụng, xuất khẩu, tín dụng cho người mua, bảo hiểm, tín dụng xuất khẩu... Chưa được nghiên cứu và đưa vào áp dụng.

- Nguồn vốn đáp ứng cho nhu cầu hỗ trợ xuất khẩu còn rất thấp so với yêu cầu, hình thức cần hỗ trợ lãi suất qua ngân hàng chưa phù hợp. Đặc biệt, do tiềm lực tài chính còn hạn chế, các NHTM rất dè dặt khi cho vay các dự án kinh doanh hàng xuất khẩu vì các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia vào hoạt động xuất khẩu thường có vốn thấp, không có tài sản thế chấp, rủi ro cao.

- Tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ phân tán, thiếu tập trung (thực hiện qua NHTM, qua các quỹ hỗ trợ xuất khẩu, quỹ hỗ trợ phát triển...) chưa có tổ chức chuyên sâu trong việc thực hiện cơ chế chính sách và các hình thức hỗ trợ xuất khẩu (như tín dụng ngắn, trung và dài hạn, bảo lãnh...), chưa thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu thủy sản nhanh, vững chắc và chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu thủy sản theo hướng chú trọng các mặt hàng thủy sản có giá trị gia tăng lớn.

Với việc trở thành thành viên của WTO, ngành thủy sản ĐBSCL sẽ được hoạt động trên một "sân chơi" bình đẳng, được bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của mình. Bên cạnh đó, cũng có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các luật chơi của WTO. Các chính sách cần được xây dựng, điều chỉnh phù hợp với những nguyên tắc quốc tế đã cam kết. Điều đó có nghĩa là, các chính sách, hình thức hỗ trợ xuất khẩu thủy sản trong thời gian qua phải nhanh chóng được thu hẹp hoặc dỡ bỏ theo các cam kết gia nhập WTO. Phạm vi hoạt động và tính chất hỗ trợ của các chương trình xúc tiến thương mại cũng cần được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới.

3. Các nguyên tắc phải tuân thủ

Việc rà soát, dỡ bỏ hoặc thay thế hệ thống các chính sách liên quan đến hoạt động trợ cấp thương mại nói chung và hỗ trợ tín dụng xuất khẩu nói riêng phải được xem xét trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc quốc tế và phù hợp với lộ trình đã cam kết. Trong số các nguyên tắc quốc tế, có hai hiệp định liên quan trực tiếp mà tất cả các nước thành viên đều có nghĩa

vụ phải tuân thủ:

(a) Hiệp định của WTO về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (Hiệp định SCM)

Hiệp định này đưa ra các định nghĩa về trợ cấp, các loại hình trợ cấp, các thủ tục để giải quyết tranh chấp và một số ngoại lệ đối với trợ cấp. Theo đó, trợ cấp chia làm 3 loại: trợ cấp bị cấm, trợ cấp có thể bị đối kháng và trợ cấp không bị đối kháng (trợ cấp được phép thực hiện)

- Trợ cấp bị cấm bao gồm các hình thức trợ cấp theo thành tích xuất khẩu hay trợ cấp trong nước để thúc đẩy việc sử dụng hàng hóa trong nước thay cho hàng hóa nhập khẩu.

- Trợ cấp có thể bị đối kháng là hình thức trợ cấp có thể gây thiệt hại cho các quốc gia thành viên khác. Loại trợ cấp này gần tương tự với trợ cấp bị cấm vì nó có thể dẫn đến hành động trả đũa của các bên chịu thiệt hại vì hành động trợ cấp.

- Trợ cấp không bị cấm bao gồm các trợ cấp không cụ thể (tức là các trợ cấp chung cho toàn nền kinh tế), hoặc là trợ cấp cụ thể nhưng chỉ liên quan đến:

+ Hỗ trợ nghiên cứu công nghiệp và hoạt động phát triển tiên cạnh tranh;

+ Hỗ trợ các khu vực khó khăn;

+ Hỗ trợ việc chuyển đổi các công cụ hiện hành để đáp ứng yêu cầu về môi trường do luật pháp quy định.

Trong quá trình đàm phán gia nhập WTO, VN đã cam kết dỡ bỏ các biện pháp trợ cấp cho xuất khẩu ngay từ thời điểm gia nhập. Các chính sách thưởng xuất khẩu, trợ cấp thay thế nhập khẩu hay tín dụng ngắn hạn hỗ trợ xuất khẩu do Ngân hàng Phát triển VN thực hiện sẽ không thể được tiếp tục thực hiện.

Hiệp định về tín dụng xuất khẩu của OECD

Hiệp định được áp dụng vào tháng 04/1978 nhằm mục tiêu tạo ra một cơ chế để đảm bảo việc thực hiện có trật tự các hoạt động tín dụng hỗ trợ xuất khẩu chính thức, qua đó khuyến khích sự cạnh tranh giữa các thành viên thông qua chất lượng và giá cả của hàng hóa chứ không phải thông qua cung cấp tín dụng xuất khẩu ưu đãi. Mặc dù không phải là luật chính thức của OECD, song các nước thành viên OECD tự nguyện tham gia và thực hiện Hiệp định này. Hiện nay đã có 9 nước thành viên tham gia Hiệp định là Úc, Canada, Công đồng Châu Âu, Nhật, Hàn Quốc, New Zealand, Na Uy, Thụy Sĩ và Mỹ. Hiệp định OECD về tín dụng hỗ trợ xuất khẩu chính thức đưa ra các quy định về hình thức, phạm vi, mức độ, thời hạn, lãi suất... mà các nước thành viên phải tuân thủ khi thực hiện tín dụng hỗ trợ

xuất khẩu chính thức; áp dụng cho tín dụng hỗ trợ xuất khẩu chính thức với thời hạn hoàn trả từ hai năm trở lên (đối với hình thức tín dụng có thời hạn hoàn trả ít hơn hai năm của các tổ chức tín dụng xuất khẩu của các nước thành viên, có thể tham gia vào liên minh – Berne)

Hiệp định OCED này còn cho phép Chính phủ thực hiện trợ cấp ở một mức độ nhất định (gần sát với điều kiện thị trường) khi thực hiện hoạt động tín dụng xuất khẩu chính thức. Về nguyên tắc, điều này vi phạm các quy định của Hiệp định SCM. Tuy nhiên Hiệp định SCM có một điều khoản ngoại lệ, theo đó cho phép việc thực hiện Hiệp định OCED về tín dụng hỗ trợ xuất khẩu chính thức mà không bị vi phạm quy định của WTO. Điều khoản ngoại lệ của Hiệp định SCM như sau: “Nếu một thành viên của WTO tham gia một điều ước quốc tế về tín dụng xuất khẩu chính thức, hoặc trên thực tế nếu một thành viên áp dụng các quy định về lãi suất của điều ước quốc tế phù hợp, thì hoạt động cung cấp tín dụng xuất khẩu phù hợp với quy định của điều ước quốc tế đó sẽ không được coi là một hình thức trợ cấp bị cấm”. Đây chính là cơ sở pháp lý cơ bản cho các hoạt động xuất khẩu của các nước OCED. Tuy chưa phải là thành viên của OCED, nhưng để được coi là không vi phạm quy định của WTO thì phải tuân thủ theo quy định của Hiệp định này.

4. Các giải pháp hoàn thiện chính sách tài chính

Hoạt động tín dụng xuất khẩu thủy sản đóng vai trò rất quan trọng trong hệ thống chính sách phát triển ngành thủy sản ĐBSCL. Vì vậy, hệ thống chính sách này cần được thiết lập một cách đồng bộ, có lộ trình hợp lý theo nguyên tắc:

- Áp dụng nhiều hình thức và mức độ hỗ trợ khác nhau cho phù hợp với nhu cầu thực tế của các đối tượng tham gia vào quá trình hoạt động xuất khẩu thủy sản trong từng giai đoạn nhằm đảm bảo mục tiêu hỗ trợ tối đa cho hoạt động xuất khẩu thủy sản.

- Tuân thủ các quy định và thông lệ quốc tế. Nghiên cứu và từng bước đưa vào áp dụng các hình thức hỗ trợ tín dụng cho xuất khẩu thủy sản theo thông lệ quốc tế.

Với các nguyên tắc trên, về lâu dài, chính sách tín dụng xuất khẩu thủy sản sẽ từng bước được mở ra theo hướng:

- Đa dạng hình thức hỗ trợ: Từ chỗ chủ yếu là cho vay trực tiếp như hiện nay sang việc mở rộng thêm các hình thức bảo lãnh, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu thủy sản.

- Thực hiện kết hợp các hình thức (cho vay với bảo lãnh, bảo lãnh với bảo hiểm; cho vay với bảo hiểm hoặc đồng thời cả ba hình thức) cho các chủ thể khác nhau trong quá trình tham gia vào hoạt động xuất khẩu thủy sản nhằm tạo ra nhiều tầng, nấc hỗ trợ khác nhau, đảm bảo mục tiêu giảm thiểu và san sẻ rủi ro trong hoạt động xuất khẩu phù hợp với nhu cầu thực tế và không trái thông lệ quốc tế.

- Từng bước mở rộng các đối tượng được tham gia tiếp cận nguồn vốn tín dụng xuất khẩu thủy sản cho phù hợp với nguồn lực tài chính và chiến lược xuất khẩu như:

- Cấp tín dụng cho nhà xuất khẩu thủy sản trong nước bao gồm: tín dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu thủy sản; tín dụng cho các dự án đầu tư trong nước để xuất khẩu thủy sản; tín dụng cho dự án thủy sản đầu tư ra nước ngoài, tín dụng cho khai thác thủy sản nước ngoài.

- Tín dụng cho nhà nhập khẩu thủy sản ở nước ngoài, gồm: Tín dụng trực tiếp cho nhà nhập khẩu; tài trợ dự án; tín dụng cho các ngân hàng của nước nhập khẩu.

- Cần mở rộng và phát triển hình thức bảo hiểm tín dụng xuất khẩu thủy sản nhằm hỗ trợ đắc lực cho hoạt động xuất khẩu thủy sản vì đây là ngành hàng có nhiều rủi ro, hay khi xuất khẩu vào các thị trường có nhiều biến động, đặc biệt là các rủi ro về rào cản an toàn vệ sinh thực phẩm, các vụ kiện chống bán phá giá Về lâu dài, khi VN có quy mô hoạt động xuất nhập khẩu thủy sản đủ mạnh; hệ thống ngân hàng trong nước được cải cách căn bản thì sẽ thành lập riêng Ngân hàng Xuất nhập khẩu thủy sản và chức năng bảo hiểm tín dụng xuất khẩu thủy sản sẽ do tổ chức này thực hiện ■

Tài liệu tham khảo:

- Báo cáo tổng kết hàng năm (2001-2006) của Bộ Tài chính.

- Báo cáo tổng kết hàng năm (2001-2006) của Sở Thủy sản các tỉnh ĐBSCL.

- Niên giám thống kê năm 2006 của các tỉnh ĐBSCL.

- Văn kiện gia nhập WTO – NXB Lao động – Xã hội (2007).

- VN gia nhập WTO – Thời cơ và thách thức – NXB Lao động (2007).

- Tạp chí Tài chính tháng 03/2007.